

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGỌC LẶC  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 30 - 6- 2020  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Thanh Tân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hữu Dân

Ông Bùi Xuân Thành

**- Thư ký phiên toà:** Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị **A**; sinh năm: 1986; nơi cư trú: Thôn **C**, xã **D**, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn **B**; sinh năm: 1987; nơi cư trú: Thôn **C**, xã **D**, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt chị **A**, vắng mặt anh **B**. Anh **B** vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị **A** trình bày: Chị và anh Phạm Văn **B** kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 15/12/2008 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã **D**, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Ngoài ra, anh **B** còn đánh đập, chửi bới chị. Hai

bên gia đình đã hoà giải n**B** không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh **B**.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Như Ánh F, sinh ngày 14/11/2009 và cháu Phạm Gia G, sinh ngày 02/9/2014. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh **B** phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị đang đi làm công nhân với thu nhập hàng tháng là 10.000.000đ. Tại phiên toà, chị thay đổi quan điểm, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu F, giao cháu G cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản: Chị **A** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn **B** không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn gì, từ khi chị **A** đi làm ở Hải Phòng, anh có gọi về nhưng chị không về, anh chưa lần nào uống rượu về đánh đập vợ con. Anh xét thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm, mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Nếu chị **A** cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung đúng như nguyên đơn trình bày. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu chị **A** phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện anh đang đi làm thợ xây với thu nhập hàng tháng là từ 3.000.000đ đến 4.000.000đ.

Về tài sản: Anh **B** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị **A** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh **B** không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Phạm Thị **A** được ly hôn anh Phạm Văn **B**. Giao cháu Phạm Như Ánh F, sinh ngày 14/11/2009 cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Gia G, sinh ngày 02/9/2014 cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo ý kiến trình bày của hai bên đương sự: Chị **A** và anh **B** thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, không thống nhất được về phần hôn nhân và con cái.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Văn **B** lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng anh **B** vẫn không có mặt mà không có lý

do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt anh **B**.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị **A** và anh Phạm Văn **B** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2008 tại UBND xã **D**, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, trong thời gian chị **A** đi làm ăn xa thì vợ chồng không có liên lạc gì với nhau, không quan tâm đến nhau. Toà án cũng đã tạo điều kiện cho các bên hoà giải đoàn tụ vợ chồng nhưng đến nay vẫn không có kết quả. Điều đó chứng tỏ chị **A**, anh **B** đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị **A** được ly hôn anh **B**.

[3] Về con cái: Chị **A** và anh **B** có 02 con chung. Chị **A** và anh **B** đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu F. Nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng. Xét điều kiện thực tế, cả chị **A** và anh **B** đều có công việc và thu nhập ổn định, cháu F có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, cháu lại là nữ, ở với mẹ sẽ tốt hơn. Giao cho mỗi người trực tiếp nuôi mỗi cháu là phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện thực tế. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị **A**, giao cháu Kiều cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bảo cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị **A**, anh **B** không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị **A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; 227; 228; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị **A** được ly hôn anh Phạm Văn **B**.

2. Về con cái: Giao cháu Phạm Như Ánh F, sinh ngày 14/11/2009 cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Gia G, sinh ngày 02/9/2014 cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị **A**, anh **B** có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị **A** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số AA/2018/0006802 ngày 02/01/2020. Chị **A** đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị **A**, vắng mặt anh **B**. Chị **A** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **B** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hữu Dân**

**Bùi Xuân Thành**

**Nguyễn Thanh Tân**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã **D**;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Tân**



